

LỊCH SỰ GIAO TIẾP TRONG DÂN CA QUAN HO

Nguyễn Diệu Thương*, Phạm Quốc Tuấn
Trường Đại học Sư phạm - ĐH Thái Nguyên

TÓM TẮT

Dân ca quan họ là một trong những làn điệu dân ca tiêu biểu của vùng đồng bằng Bắc bộ (Việt Nam) với hình thức đối đáp diễn xướng điển hình. Bài viết đã sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính (thu thập, phân tích tư liệu; phân loại, miêu tả các kiểu lịch sự, phương thức thể hiện lịch sự trong dân ca quan họ). Lịch sự giao tiếp trong dân ca quan họ được thể hiện trên hai phương diện: lịch sự quy ước và lịch sự chiến lược. Các loại lịch sự này được thể hiện bằng các phương thức: phương thức thể hiện lịch sự chiến lược (dùng từ ngữ xưng hô, dùng các từ ngữ tình thái, lịch sự trong sự vận động chiến lược giao tiếp gắn liền với các hành vi ngôn ngữ, lịch sự trong những lời rào đón, đưa đẩy); phương thức thể hiện lịch sự quy ước (lịch sự trong văn hóa ứng xử có tính quy thức xã hội). Nghiên cứu lịch sự giao tiếp trong dân ca quan họ đã cho thấy đặc điểm văn hóa ứng xử của con người Kinh Bắc: ưa sự nhẹ nhàng, tế nhị trong giao tiếp.

Từ khóa: *Ngôn ngữ học; lịch sự quy ước; lịch sự chiến lược; các phương thức lịch sự; dân ca quan họ.*

Ngày nhận bài: 02/5/2019; Ngày hoàn thiện: 20/5/2019; Ngày duyệt đăng: 06/6/2019

COMMUNICATION POLITENESS IN QUAN HO FORK SONGS

Nguyen Dieu Thuong*, Pham Quoc Tuan
TNU - University of Education

ABSTRACT

Quan ho folk songs are the typical folk songs of the Northern Delta region (Vietnam) with the typical form of call and respond singing. The paper used qualitative research methods (collecting, analyzing materials, classifying, describing types of politeness, methods of expressing politeness in Quan ho folk songs). The communicate politeness in the folk songs is shown in two aspects: conventionalized politeness and strategic politeness. These types are expressed by the following methods: strategic politeness (using vocative words, modal words, using hedges words, using strategic movement in communication associated speech acts); conventionalized politeness (using standard in social behavioral culture). Studying politeness in Quan ho folk songs has shown the cultural behavior of Kinh Bac people: love of lightness, subterness in communication.

Keywords: *Linguistics; conventionalized politeness; strategic politeness; methods of expressing politeness; Quan ho folk songs.*

Received: 02/5/2019; Revised: 20/5/2019; Approved: 06/6/2019

* Corresponding author. Email: dieuthuong2212@gmail.com

1. Giới thiệu

Trong giao tiếp, nói đúng, đủ thông tin chưa hẳn đã đạt được hiệu quả. Người Việt có câu: *Chim khôn kêu tiếng rảnh rang/ Người khôn nói tiếng dịu dàng dễ nghe*. “Dễ nghe” ở đây không chỉ đảm bảo quy tắc “đúng, đủ” mà còn là nói làm sao cho “lọt lỗ tai”, tức người nghe có thể dễ dàng chấp nhận được. Muốn vậy, cần thiết phải đảm bảo quy tắc lịch sự trong hội thoại.

Theo G.M. Green, lịch sự là những chiến lược nhằm duy trì hay thay đổi quan hệ liên cá nhân. Điều này được nói rõ trong định nghĩa của J. Thomas: “Phép lịch sự được xem như là một (hay một loạt chiến lược) được người nói dùng để hoàn thành một số mục đích như thiết lập hoặc duy trì những quan hệ hài hòa. Trong khi đó, tác giả Lakoff đã phân loại lịch sự thành: lịch sự quy thức và phi quy thức, lịch sự bạn bè (khuyến khích tình cảm bạn bè). G.N. Leech đã xây dựng quy tắc lịch sự dựa trên hai khái niệm tổn thất (cost) và lợi ích (benefit). Lý thuyết của Brown và Levinson được xem là nhất quán và có sự ảnh hưởng rộng rãi nhất. Khác với Leech, Brown và Levinson đã xây dựng lý thuyết của mình trên khái niệm thể diện (mượn của Goffman). Thể diện gồm: thể diện âm tính (là mong muốn không bị can thiệp, được hành động tự do theo cách mình đã chọn), thể diện dương tính (được phản ánh trong ý muốn mình được ưa thích, tán thưởng, tôn trọng, đánh giá cao). Khi phân tích, Brown và Levinson đã chỉ ra các khái niệm liên quan, hành vi đe dọa thể diện, chiến lược lịch sự [1, tr. 257-268]. Từ vấn đề lý thuyết về lịch sự của Brown và Levinson, đã có nhiều công trình nghiên cứu vận dụng lý thuyết đó soi chiếu tới các vấn đề giao tiếp cụ thể. Nhìn chung, hiện nay, khi xem xét đến sự khác biệt trong cách thức thể hiện lịch sự, các công trình đã chỉ ra rằng có sự khác biệt theo giới tính, độ tuổi, tính cách và văn hóa. Trước hết, bản sắc văn hóa được bộc lộ từ chính cách con người thể hiện lịch sự trong giao tiếp. Chẳng hạn:

Lỗ mũi mười tám gánh lông

Chồng yêu chồng bảo râu rồng trời cho

Đêm nằm thì ngáy o o

Chồng yêu chồng bảo ngáy cho vui nhà

(Ca dao)

Bài ca dao nói đến về “kém duyên” của người phụ nữ. Đó là hành vi “chê”. “Chê” đối với bất cứ ai thì cũng đã là đe dọa thể diện. Thêm nữa, lại là chê hình thức và “ý tứ” của người phụ nữ thì lại càng là bất lịch sự. Nhưng điều đó được “hóa giải” là: “râu rồng trời cho”, “ngáy cho vui nhà”. Cách nói rất hài hước (sử dụng biện pháp tu từ phóng đại) đã là một bước giảm nhẹ sự đe dọa thể diện của hành vi “chê”. Mặt khác, sự “tháo gỡ” khi đẩy đến đỉnh của hành vi “chê” được lý giải bởi chính cái sự “chồng yêu”. Từ đó, cho thấy người Việt rất coi trọng tình cảm. Tình cảm là yếu tố có thể quyết định và làm chuyển hóa những điều dù có là vạ “tường thành” trở ngại. Ví thế mà: “Yêu nhau tam tứ núi cũng trèo/ Thất bát sông cũng lội, tam thập lục đèo cũng qua...”, “Yêu nhau cau sáu bỏ ba/ Ghét nhau cau sáu bỏ ra làm mười”... Đây chính là một quy luật tâm lý của người Việt. Cũng bởi vậy mà, câu ca dao trên dù có là “chê” nhưng đặt trong mục đích giao tiếp nên vẫn đảm bảo được tính lịch sự... Qua đó, muốn thấy được truyền thống văn hóa đặc thù của một dân tộc thì nghiên cứu dựa trên các sáng tác tập thể ra đời gắn liền với bối cảnh sinh hoạt cộng đồng là điều không thể thiếu. Dân ca quan họ là một sáng tác có tầm quan trọng như thế. Tìm hiểu phép lịch sự trong dân ca quan họ sẽ thấy được văn hóa giao tiếp đặc thù của người dân kinh Bắc nói riêng và con người Việt Nam nói chung.

2. Phương pháp nghiên cứu

Thực hiện nghiên cứu này, tác giả đã sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính. Để có nguồn tư liệu (là những ngữ liệu thể hiện tính lịch sự trong giao tiếp), tác giả đã tiến hành phân tích tư liệu, phân loại các kiểu, các

phương thức thể hiện lịch sử được sử dụng (chủ yếu qua các bài hát đối đáp) trong ca từ được thu thập từ các nguồn tài liệu chính: website: <https://quanhobacninh.vn>, *Các bài hát đối quan họ, Dân ca quan họ Bắc Ninh, Không gian văn hóa quan họ Bắc sông Cầu*. Các thủ pháp: miêu tả; đối chiếu, so sánh cũng được tác giả sử dụng trong quá trình thu thập, phân tích và phân loại tư liệu.

3. Kết quả và bàn luận

Dựa trên phạm vi chuẩn mực lịch sử, phép lịch sử có thể phân chia thành hai loại: lịch sử quy ước (mang tính chất xã hội) và lịch sử chiến lược (mang tính chất cá thể). Lịch sử quy ước có tính chuẩn mực ứng xử gắn liền với quan niệm văn hóa chung của cộng đồng. Lịch sử chiến lược là lịch sử được xây dựng dựa trên những tính toán về các mức độ hiệu lực đe dọa thể diện bởi hành vi ở lời của cá nhân trong hoàn cảnh giao tiếp cụ thể; từ đó, sẽ vận dụng các biện pháp bù đắp để nhằm giảm thiểu mức độ đe dọa. Trong giao tiếp, các nhân vật giao tiếp phải đồng thời chú ý, cân nhắc, tạo ra sự hài hòa giữa hai kiểu chuẩn mực này. Cũng trong quy luật này, dân ca quan họ đã thể hiện sự vận dụng linh hoạt bởi các chiến lược lịch sử. Khi các liền anh, liền chị tham gia giao tiếp, họ không chỉ thực hiện các chiến lược giao tiếp gắn với các hành vi ngôn ngữ mà còn rất chú trọng đến những chuẩn mực là những phép tắc ứng xử truyền thống của dân tộc. Điều đó được thể hiện cụ thể như mục 3.1 và 3.2 dưới đây.

3.1. Lịch sử chiến lược

3.1.1. Lịch sử trong cách xưng hô

Từ xưng hô trong tiếng Việt rất đa dạng. Có các cặp từ xưng hô có tính hô ứng: cùng/ngang bậc (tôi, tớ, tao...), không cùng bậc/trên, dưới (anh - em, chị - em, chú - cháu...). Đối với mỗi quan hệ gia đình, mọi người sẽ xưng hô theo mỗi quan hệ họ hàng huyết thống. Nếu chỉ có mỗi quan hệ xã hội thì tuổi tác thường được lấy làm tiêu chuẩn để xác định cách xưng hô. Trong trường hợp mới

gặp, còn chưa hiểu về đối phương thì người ta thường vận dụng cách xưng hô theo quy tắc lịch sử: “xưng khiêm - hô tôn”. Sau thời gian quen biết, cách xưng hô có thể được điều chỉnh cho phù hợp. Cách xưng hô: *người - em; anh Hai/ chị Hai - em...* trong dân ca quan họ đã trở nên phổ biến. Đó là lối đối đáp rất đặc trưng. Các liền anh, liền chị, dù không biết tuổi tác ra sao nhưng đều hô “anh Hai (Ba,...)”, “chị Hai (Ba....)” và xưng “em”. Điều đó thể hiện sự tôn kính bằng cách đặt đối phương là bề trên. Ngoài ra, cách xưng hô *người - em (Người về, em vẫn ngâm người... [2]; Người về em dặn người rằng/ Đâu hơn người lạy, đâu bằng người đợi em... [2]). Người là ai? Là anh? Là chị? Hay là “mình”?* Cách gọi như có sự phân thân vừa rất tình tứ ngọt ngào, gần gũi, triu mến vừa cho thấy sự tôn trọng nhất mực. Điều này còn được liên tưởng đến cách xưng hô trong ca dao... Có điều đáng chú ý, nếu “người” được dùng để hô gọi theo ngôi thứ hai có sắc thái ý nghĩa khác với “người” được dùng ở ngôi thứ ba. Ở ngôi thứ ba, chúng thường được dùng ghép với các đại từ chỉ định: *người đó, bên đó...* lại tạo khoảng cách xa xôi (*Người á đó có nơi sông bên á đó có nơi rồi chị rằng Năm ơi người đó có nơi sông bên á đó có nơi rồi... [3, tr. 111]*). Đại từ “ai” được dùng để xưng hô mang ý nghĩa bất định: *nào ai... [3, tr. 16], nhớ đến ai... [3, tr. 15], ai làm đến nỗi nhớ thương thế này... [3, tr. 136], lòng này ai tỏ cho nhau hỡi lòng [3, tr. 137]*. Qua đó, nét ý nhị, duyên dáng, nhẹ nhàng trong ca từ lại càng mượt mà, chạm đến được trái tim của muôn người, muôn đời.

Ngoài ra, dân ca quan họ còn sử dụng các từ xưng hô thường gặp: *chàng, thiếp*. Điều này, làm cho không gian diễn xướng quan họ có thêm âm hưởng trang trọng và thơ mộng. Cách xưng hô hoán dụ, ẩn dụ cũng được sử dụng để tạo nét ý nhị trong dân ca quan họ: *Xin quan họ đừng quên ngại chúng chề bạn cười là tôi nói ra... [4, tr. 20], duyên tình ơi, Bây giờ rỗng lại gặp mây/ Để rỗng than thở với mây đôi lời [5, tr. 403]*.

Như vậy, cách xưng hô trong quan họ có sự đa dạng nhưng gắn với mục đích và hoàn cảnh giao tiếp đã thể hiện được sự khác nhau về sắc thái biểu cảm cũng như mối quan hệ tiếm tiến hay tiếm thoái của nhân vật trữ tình. Nhìn chung đều cho thấy sự ý nhị, văn hoa..., mềm mại, khéo léo, đậm tình người, dịu dàng mà đậm thắm ân tình xứ Bắc.

3.1.2. Lịch sử thể hiện qua việc sử dụng các tình thái từ

Xen giữa các thực từ, loạt các tình thái từ lặp đi lặp lại là nét riêng chỉ có trong dân ca quan họ (... *ối a, tính ta, ư hừ... a*) có tác dụng làm mềm hóa, đồng thời như nhịp tả sự dềnh dàng, nhẹ nhàng mà kín đáo, e ấp... Bên cạnh đó, việc sử dụng nhiều từ *a* còn cho thấy sự kính trọng trong giao tiếp giữa các liền anh, liền chị. Đồng thời, nó còn tạo ra sự xa cách, nhiệt thành nhưng không vồn vã, mà rất thanh nhã: ... *đường đầy a* [4, tr. 7].

3.1.3. Lịch sử trong sự vận động chiến lược giao tiếp gắn liền với các hành vi ngôn ngữ

Quy tắc khiêm - tôn không chỉ thể hiện trong cách xưng hô mà còn thấy ngay trong cách ứng xử gắn liền với các hành vi ngôn ngữ. Đó vừa là chiến lược giao tiếp mềm dẻo linh hoạt của các nhân vật giao tiếp (cụ thể là các liền anh, liền chị) vừa là quy tắc ứng xử của xã hội Việt Nam.

Trước hết, *khen* là hành vi ngôn ngữ có tác dụng làm tăng thể diện của người nghe. Tuy nhiên, có những trường hợp, hình thức của phát ngôn là lời khen nhưng lại làm đe dọa thể diện của người nghe nếu thiếu đi điều kiện chân thành. Tuy nhiên, xét trong các bài dân ca quan họ, không có trường hợp nào như vậy. Trong các bài hát dân ca quan họ, sử dụng hành vi *khen* là một chiến lược tạo ra tính lịch sự cho phát ngôn. Hành vi *khen* được tạo ra bằng cách sử dụng các tính từ chỉ tính chất, phẩm chất tích cực (*Người ngoan tôi hỏi nhờ này có nên* [3, tr. 21]). Bên cạnh đó, nhiều hơn là phương thức *khen* gián tiếp bởi cấu trúc so sánh với đặc điểm của yếu tố so sánh mang tính chất, phẩm chất

tích cực (*Anh Hai, anh Ba nói mà như sấm bên Đông, chớp động bên Tây, mưa tỉnh Hà Nội mà đây ướt đường đầy a* [2]), *Chị Hai đứng đầy miệng cười như hoa/ Mây tuôn suối tóc tuyết nhường màu da* [3, tr. 53].

Quy tắc lịch sự không chỉ là sử dụng những hành vi làm tăng thể diện của người nghe mà còn làm giảm thiểu mức độ đe dọa thể diện. *Trách* là hành vi ngôn ngữ có mức độ đe dọa đến thể diện dương tính của người nghe. Trong dân ca quan họ, ta thường gặp lỗi trách rất duyên như sau: *Anh rằng Năm ơi chứ mấy em ngồi rồi trách là phận i má ơ má a đào...* [2],... *tơ hồng là tơ hồng đa đoan... trách ông Thiên... đưa đẩy là đưa đẩy cái tơ hồng... Người là người ngoan sao mà khéo i i la ơi hừ ơi hừ là hời hừ la hời hời hừ phụ lòng là phụ lòng với nhau... chôn sông sâu sao đưa đẩy đưa đẩy cái tơ ơ hồng...* [4, tr. 11]. Chuyện tình dang dở, không đến được với nhau, thay vì trách người lại là trách *tơ hồng*, ông *Thiên*, phận *má đào*. Ở đây, ta thấy quan điểm triết lý đạo Phật về duyên phận được lấy làm cái cớ rất duyên đã tránh được sự tổn hại thể diện dương tính và giảm bớt sự tổn thất thể diện âm tính cả người nói và người nghe. Duyên tình lỡ làng, nhân vật trữ tình nhiều khi không *trách* mà chỉ *than* (*phận em là phận trái duyên, duyên em nhờ...*). Nhân vật trữ tình đã mượn chữ “duyên” gắn với thuyết duyên khởi, duyên sinh, nhân duyên của triết lý Phật giáo. Không phải do tại anh, ko phải tại em... Từ đó, lời than đã giảm đáng kể mức độ tổn hại thể diện của người than mà cũng không làm ảnh hưởng đến thể diện của đối phương. Vẫn giải bày được tâm sự thờ than nhưng không hề bi lụy.

Dân ca quan họ là các câu hát giao duyên. Nói đến dân ca quan họ không thể không nói đến hành vi *tỏ tình*. Hành vi *tỏ tình* được gọi đến từ những cái cớ rất duyên, rất ý tứ; được dẫn dắt từ sự việc này, đến sự việc khác một cách tự nhiên (*Bạn tình ơi... duyên tình cách mấy con sông nên tôi phải lụy đò. Bởi chưng trời tối nên tôi phải lụy cô bán hàng trống*

com. Khen ai là khen khéo võ,... khéo gậy... nên tôi trót say huê... nên tôi phải đi tìm huê... Xin quan họ đừng quản ngại chúng chề bạn cười là tôi nói ra... [4, tr. 20]. Như vậy, hành vi tỏ tình được thực hiện bằng cách nói vòng, rào đón đưa đẩy. Đây là chiến lược làm tăng thể diện dương tính của người nghe (được yêu thích) và giảm mức độ đe dọa thể diện dương tính của người nói (phòng ngừa trường hợp bị cười chê)... Ngoài việc tỏ tình bằng hành vi ngôn ngữ trực tiếp, hành vi ngôn ngữ gián tiếp cũng là một phương thức được sử dụng thể hiện lịch sự chiến lược (*Khách đến í đến chơi hự hừ nhà là chơi hự hừ nhà/ Đốt than ở ở dậu mà quạt í nước mấy pha trà mời người xơi í là chén có a trà này, quý í vậy í ở ở ở sông í cạn í ở đất liền... Gân chùa là chùa chả í bén mấy duyên hương í í chút nào là sáng có ả trăng xuống, sáng í cả í ở ở ở sáng í cả í ở vườn đào... [2]). Trong chuyện tình cảm, các nhân vật khẳng định tình cảm dành cho nhau một cách gián tiếp bởi các hình ảnh có tính chất biểu trưng qua hành vi kể, trần thuật (*Lên thác í í là em lại a bên này a xuống ghềnh... em có quản bao nhọc nhằn [4, tr. 8]). Đây là hành vi tôn vinh thể diện dương tính đối với người nghe. Người nghe được đề cao vì nhân vật trữ tình em đã không quản ngại khó khăn, gian khổ để có được “tình yêu”. Đồng thời, thể diện của nhân vật trữ tình cũng được tăng lên (khẳng định ý chí và mong muốn được thừa nhận, thấu hiểu).**

3.1.4. Lịch sự trong những lời rào đón, đưa đẩy
Song song với việc sử dụng các hành vi ngôn ngữ, để giảm thiểu sự đe dọa thể diện, cần thiết phải sử dụng các phương thức lịch sự. Trong đó có những lời rào đón, đưa đẩy.

Đó là những lời nói tỏ tình trực tiếp nhưng lại được đưa đẩy, rào đón bằng những lời lẽ “phòng thủ”: *nào đâu... dám, thực đâu có dám dỗ dành..., tiện đây, xin Quan họ đừng quản ngại chúng chề áy chề bạn cười là tôi nói ra... [2].* Ngoài ra, việc sử dụng lối nói vòng dựa trên các trường liên tưởng (dùng cái có để nói xa, nói gần...) cũng là một cách nói

đưa đẩy (*Gám đây là đôi tay í vừa thêu là thêu em vừa dệt gám hoa đôi em dệt ở đôi ba người ... Em thêu này chần loan tay em cùng là thêu như gổí phượng cùng màn chần... đưa về tới bạn tri âm... tìm không là không thấy bạn ở đôi ba người ơi áy trên con đường trên đường luôn những ngăn ngại ... nhớ ai nay em chờ là mai như em đợi... [4, tr. 74].*

Bên cạnh đó, sự rào đón còn thể hiện ở việc sử dụng lập luận dự báo về kết quả... để thuyết phục: *Người về tính toán làm chi/ Yêu nhau trò chuyện vân vi/ Kẻo mai khiếm khuyết điều gì lại bảo tại tôi/ Người về tính toán làm chi/ Yêu nhau người quyết ngay đi/ Kẻo mai tiếng bác tiếng chề lại bảo tại tôi/ Người về tính toán làm chi/ Yêu nhau sớm quyết duyên đi/ Kẻo mai quá lứa đổi thì lại bảo tại tôi... [3, tr. 102].*

3.2. Lịch sự quy ước

Lịch sự quy ước là loại lịch sự được thực hiện dựa trên những lễ nghĩa, phong tục, văn hóa ứng xử có tính quy thức xã hội. Người Việt Nam có câu: *Miếng trầu là đầu câu chuyện.* Miếng trầu trong tâm thức người Việt Nam là biểu tượng của tình cảm chân thành, sâu sắc. Vậy nên, người quan họ đã thể hiện sự hiếu khách bằng những câu hát mời trầu: *Gặp đây ăn một miếng trầu. Không ăn cầm lấy, không ăn cầm lấy cho nhau bằng lòng.* Miếng trầu không chỉ là đầu câu chuyện, mà còn gọi ra nét ý tứ về một câu chuyện khác- câu chuyện “chung một nhà”: *Trầu này trầu tính trầu tình. Trầu này trầu tính trầu tình. Ấn vào cho đỏ, ăn vào cho đỏ môi mình môi ta... Anh còn son. Em còn son. Ước gì ta được làm con một nhà [2].* Cơ sở của sự liên tưởng từ chuyện mời trầu gọi chuyện “một nhà” là bởi văn hóa “nghĩa cau trầu” (miếng cau, lá trầu là vật đính ước hôn lễ theo phong tục cưới xin người Việt). Cùng với mời trầu, người quan họ còn thể hiện lòng hiếu khách của mình bằng hành động mời trà: *Khách đến í đến chơi hự hừ nhà là chơi hự hừ nhà/ Đốt than ở ở dậu mà quạt í nước mấy pha trà mời người xơi í là chén có a*

trà này, quý i vậy í ơ ở ở o sông i cạn í ơ đất liền... [2]. Ngoài sự lịch sự được thể hiện bằng văn hóa hiếu khách “mời nước, mời trà” thì lịch sự quy ước còn được thấy trong lời ăn ý ở, tập tục nói năng, đi đứng,... Đó là những giá trị văn hóa truyền thống rất cốt lõi trong cách ứng xử của người Việt “người nói phải có người nghe”: *Anh rằng Tư ơi chứ em lắng tai nghe lời anh Tư nói i ai ơi bên hữu a tình là anh rằng Tư ơi chứ em lắng tai nghe lời anh Tư nói i ai ơi ...*[4, tr. 26]. Đó là sự lễ phép trong cách ứng xử với mẹ cha: *Anh về thưa với mẹ cha. Em về thưa với mẹ cha* [2]. Ngoài ra, tình nghĩa thủy chung son sắt luôn được đề cao và là một thước đo trong giao tiếp quan họ. Chính vì vậy, chúng ta gặp rất nhiều lời hát ân tình: *Anh biết rồi nên vì người giữ lời hứa rằng năm xưa ở chúng mình, yêu i ở nhau là trước sau tình đằm phai dù rằng ai xin chớ đứng ngồi* [2] *Đừng làm rông ngược mây xuôi. Nhớ khi hò hẹn, nhớ lời thủy chung* [5, tr. 403]...

4. Kết luận

Ca hát quan họ là một hình thức sinh hoạt văn hóa độc đáo của người dân vùng Kinh Bắc xưa-Bắc Ninh và Bắc Giang ngày nay. Đó là một tổng thể những giá trị văn hóa, văn nghệ dân gian hợp thành, là kiệt tác sáng tạo truyền

miệng của nhân dân qua nhiều thế hệ. Qua các làn điệu dân ca, chúng ta thấy được những nét văn hóa coi trọng “lễ nghĩa” và cách ứng xử ý nhị, mềm mại, khéo léo của người dân Kinh Bắc. Bài viết tập trung miêu tả các phương thức thể hiện phép lịch sự trong giao tiếp qua các làn điệu dân ca quan họ. Nhìn chung, có thể nhận thấy rằng lịch sự chiến lược (mang tính chất cá thể hóa gắn liền với tình huống giao tiếp) trong dân ca quan họ luôn chịu ảnh hưởng của phong văn hóa vùng đất kinh Bắc. Chính vì thế; quan niệm, hành động của cá nhân cũng là những chuẩn mực ứng xử chung của cộng đồng. Điều này có thể lý giải bởi dân ca quan họ là những sáng tác tập thể có tính điển xướng của quần chúng nhân dân.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Đỗ Hữu Châu, Bùi Minh Toán, *Đại cương ngôn ngữ học* (Tập 2), Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1996.
- [2]. Web: <https://quanhocninh.vn/>, truy cập ngày 20 tháng 03 năm 2019.
- [3]. Trung tâm văn hóa Tỉnh Bắc Giang, *Các bài hát đối quan họ*, Bắc Giang, 2010.
- [4]. Lâm Minh Đức (ký âm và tuyển chọn), *Dân ca quan họ Bắc Ninh*, Nxb Thanh Niên, Hà Nội, 2005.
- [5]. Trung tâm văn hóa Tỉnh Bắc Giang, *Không gian văn hóa quan họ Bắc sông Cầu*, Bắc Giang, 2014.